TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HSST
Ngày 30/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Tốn

2. Bà Đinh Thị Hợp

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2020/HSST, ngày 18/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HS, ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Hoàng Đức T** *(Có mặt)*, sinh 1992, tại tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969 và bà Phan Thị Lệ C, sinh năm 1972; Vợ là Nguyễn Thu T, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2017 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đắk Mil.

2. Họ và tên **Nguyễn Văn D** *(Có mặt)*, sinh năm 1999, tại tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đắk Mil.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn T *(Có mặt)*, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Duy Đ *(Vắng mặt)*, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Nguyễn Văn T *(Vắng mặt)*, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn X, xã Đ huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Anh Nguyễn Duy H *(Vắng mặt)*, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã E , huyện E, tỉnh Đ.

4. Chị Phan Thị Lệ C *(Vắng mặt)*, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

5. Ông Hoàng Văn T *(Vắng mặt)*, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Duy H, anh Nguyễn Duy Đ, anh Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Văn K *(Có mặt)*, Công ty Luật TNHH Đ. Địa chỉ: Số A đường Lê Thánh T, thành phố B, tỉnh Đ

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Đức M *(Vắng mặt)*, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Hoàng Mạnh C *(Vắng mặt)*, sinh năm 199; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến tháng 2 năm 2020, Hoàng Đức T làm thợ cơ khí tại cửa hàng buôn bán phụ tùng nông cơ T thuộc thôn K, xã Đ, huyện Đ của gia đình ông Nguyễn Văn T và quen với cháu ruột của ông T là Nguyễn Văn D là người được thuê giúp gia đình ông T trong việc trông coi cửa hàng. Quá trình làm thuê cho gia đình ông T, T nắm được sơ hở trong quy luật sinh hoạt, làm việc hằng ngày của những người trong gia đình ông T từ đó nảy sinh ý định trộm cắp phụ tùng tại cửa hàng để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định phạm tội trên, T bàn bạc với D về việc lấy trộm các loại phụ tùng (gồm bót tay lái, dàn càng, nhíp, lốp xe…) để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. D đồng ý và thống nhất cách lấy trộm, tỷ lệ ăn chia với T như sau: vào thời điểm chỉ có một mình D trông coi cửa hàng, D tắt camera và gọi điện thoại thông báo cho T đến để lấy trộm và chở đi tiêu thụ. Sau khi tiêu thụ được tài sản trộm cắp, T chia lại tiền cho D từ 20% đến 30% giá trị phụ tùng bán được. Với thủ đoạn trên, từ đầu năm 2020 đến tháng 8/2020 T và D nhiều lần lấy trộm các phụ tùng nông cơ đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể:

Vào tối ngày 18/8/2020, T gọi điện thoại cho D và nói sáng sớm ngày 19/8/2020 cả 2 sẽ lấy trộm 01 giàn càng ở cửa hàng nông cơ T. Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 19/8/2020, T gọi điện thoại cho D để mở cửa cửa hàng. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T nói với Hoàng Đức M và Hoàng Mạnh C (đều là em trai của T, điều khiển xe càng mượn của gia đình ông Hoàng Văn T – là cha ruột của T) đi đến cửa hàng nông cơ T để chở dàn càng cho T đã mua. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 48E1-262.98 mượn của Hoàng Đức M chạy trước để xem tình hình và đứng cách cửa hàng nông cơ T khoảng

50m để cảnh giới cho D. Khi đến cửa hàng nông cơ T ở thôn K, xã Đ và Cầm lùi xe càng vào cửa hàng rồi cùng D khiêng 01 giàn càng nhãn hiệu GUITUO CHINA lên thùng xe. Sau khi đưa dàn càng chiếm đoạt được tại cửa hàng T lên xe, T chỉ dẫn M và C chở về gara sửa xe của T tại xã Đ, huyện Đ cất giấu. Đến tối cùng ngày D vào nhà T lấy tiền, do chưa đủ tiền nên T chỉ đưa 2.000.000đ (trước đó hai bên đã thỏa thuận nếu lấy dàn càng T sẽ đưa cho D 3.000.000đ). Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T đã trình báo cơ quan điều tra để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án xác định: Ngoài việc chiếm đoạt dàn càng vào ngày 19/8/2020, từ đầu năm 2020 đến tháng 8/2020, T và D đã nhiều lần thực hiện hành vi lấy trộm phụ tùng của gia đình ông Nguyễn Văn T và chiếm đoạt: 06 dàn càng; 41 cục bót lái xe càng; 03 cặp lốp đắp, 01 cặp mâm, 04 các đăng, 02 bơm trợ lực, 02 cặp nhíp và 01 cặp bầu hơi lốc kê. Trong đó: đối với bót lái thì mỗi tuần lấy một đến hai lần, mỗi lần lấy từ một đến ba cái; đối với 06 dàn càng thì T và D lấy trong tháng 01/2020 đến tháng 7/2020, mỗi tháng lấy 01 dàn (trừ tháng 02 không lấy); đối với lốp, mâm, các đăng, bơm trợ lực, nhíp và bầu hơi lốc kê thì D và T lấy trong tháng 7/2020 và tháng 8/2020. Sau mỗi lần lấy trộm được, T đưa cho D số tiền như sau: 3.000.000đ/01 dàn càng, 300.000đ/01 bót lái, 300.000đ/01 bơm trợ lực, 300.000đ/01 cặp nhíp, 500.000đ/01 cắp lốp, 100.000đ/01 cặp bầu hơi lốc kê, 50.000đ/01 các đăng, 300.000đ/01 cặp mâm, số tiền này D đã tiêu xài cá nhân hết. Các dàn càng chiếm đoạt, T chở về cất dấu tại tiệm cơ khí của T tại bon R, xã Đ, huyện Đ (địa điểm này cũng là nơi T dùng để các loại phụ tùng mua từ các nơi về để đóng xe càng cho khách hàng có nhu cầu). Các phụ tùng nông cơ chiếm đoạt còn lại, T đem cất dấu ở bãi cỏ sau vườn nhà T ở thôn B, xã Đ.

Về phương thức thủ đoạn chiếm đoạt các tài sản trên thì cũng tương tự như cách thức đã lấy trộm dàn càng ngày 19/8/2020, mỗi khi muốn lấy trộm món đồ gì của cửa hàng T, T bàn bạc trực tiếp với D về thời điểm và dặn D tắt camera. Vào thời điểm (buổi sáng sớm hoặc trưa) đã bàn bạc với D, T trực tiếp hoặc nhờ Mạnh hoặc Cầm sử dụng xe mô tô hoặc xe càng đến cửa hàng T lấy và chở về cất giấu rồi tiêu thụ (mỗi khi nhờ M hoặc C đến cửa hàng nông cơ T lấy phụ tùng trộm cắp, T nói là đã mua ở cửa hàng T chứ không cho M và C biết là đã thông đồng với D để trộm cắp). Đối với 06 dàn càng T nhờ M và C dùng xe càng chở về, 01 cặp mâm, 04 các đăng T nhờ C chở về; 03 cặp lốp, 02 cặp nhíp T nhờ M chở về, 02 bơm trợ lực và 01 cặp bầu hơi lốc kê do T đến lấy, bót lái thì có lúc T trực tiếp đến lấy cũng có lúc T nhờ M hoặc C đến chở về (những lần T không trực tiếp đến lấy thì T vẫn cảnh giới ở ngoài). Đối với bót lái lấy trộm được T gom lại đến tháng 07/2020 T liên lạc qua điện thoại với ông Nguyễn Duy Đ, là chủ cửa hàng nông cơ Đ thuộc thôn X, Đ và tự xưng tên "T" ở Đ để chào bán bót lái và thống nhất giá cả bán bót là 1.450.000 đồng/cái. Sau khi thống nhất giá bán bót lái với ông Đ, T nhờ cha đẻ là ông Hoàng Văn T dùng xe càng của ông T chở đến bán cho ông Đ 70 bót lái (trong đó có 20 bót lái lấy

trộm của ông T, 50 bót lái khác do T mua từ những người khác). Khi nhờ ông T chở bót lái đi bán, T nói với ông Trị toàn bộ số bót trên là của "anh T ở Đ" gửi nhờ bán dùm chứ không phải của T.

Tại kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 01/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: Dàn càng (phụ tùng của xe máy kéo nhỏ) do Trung Quốc sản xuất năm 2020, nhãn hiệu GUITUO CHINA màu đỏ xám chưa qua sử dụng có giá trị là 11.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: 06 dàn càng (phụ tùng của xe máy kéo nhỏ) do Trung Quốc sản xuất năm 2020, nhãn hiệu GUITUO CHINA màu đỏ xám chưa qua sử dụng có giá trị là 66.000.000 đồng; 02 mâm bánh xe (phụ tùng của xe máy kéo nhỏ), loại mâm bánh xe ô tô đã qua sử dụng được sơn sửa lại, không còn nhìn thấy nhãn hiệu, chủng loại có giá trị là 1.300.000 đồng; 41 bót lái, bộ phận trợ lực điều hướng lái cho các loại xe có vô lăng, đã cũ, qua sử dụng có giá trị là 73.800.000 đồng; 04 nhíp, bộ phận giảm xóc cho xe, cấu tạo bằng kim loại, đã qua sử dụng được sơn sửa lại, không ghi nhãn hiệu, chủng loại, dài 1,2m, mỗi nhíp được cấu tạo gồm 07 lá thép kẹp với nhau có giá trị là 4.000.000 đồng; 03 lốp, loại lốp đắp (lốp ô tô đã qua sử dụng được đắp lại bề mặt mới, ghi nhãn là YOKOHAMA cỡ 7-50-16 có giá trị là 2.850.000 đồng; 03 lốp, loại lốp đắp (lốp ô tô đã qua sử dụng được đắp lại bề mặt mới, ghi nhãn là YOKOHAMA cỡ 8.25-16 có giá trị là 3.801.000 đồng; 04 các đăng, bộ phận trục kim loại truyền công suất từ hộp số đến bộ vi sai có giá trị là 1.600.000 đồng; 02 bơm trợ lực, bộ phận hỗ trợ lực cho tay lái, ghi nhãn REF NO: Kamaz có giá trị là 2.400.000 đồng; 02 bầu phanh lốc kê, đã cũ, qua sử dụng, không ghi nhãn hiệu có giá trị là 700.000 đồng. Tổng cộng là 156.451.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 82/CTr – VKS ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo thỏa thuận thống nhất đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ số tiền 29.000.000 đồng, trong đó: bị cáo Hoàng Đức T đồng ý bồi thường 23.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn D đồng ý bồi thường 6.000.000 đồng.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng (Đối với bị cáo T trình bày hoàn cảnh gia đình có 02 con đang còn nhỏ rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của bị cáo).

Về ý kiến của người bị hại: Quá trình điều tra bị cáo và gia đình bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại đầy đủ. Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Đ: yêu cầu bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D bồi thường số tiền 29.000.000 đồng.

Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy H, Nguyễn Văn T, Phan Thị Lệ C, Hoàng Văn T đều không có yêu cầu bồi thường gì hay có ý kiến gì.

Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (Luật sư Nguyễn Văn K) của anh Nguyễn Duy H, anh Nguyễn Duy Đ, anh Nguyễn Văn T: Đối với anh Nguyễn Duy H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường gì. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Duy Đ số tiền 29.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy H, Phan Thị Lệ C, Hoàng Văn T không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét, giải quyết. Bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) số tiền 29.000.000 đồng

Về vật chứng của vụ án:

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 04 dàn càng nhãn hiệu Guituo China, màu đỏ - xám; 41 cục bót lái đã qua sử dụng; 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 7-50-16 (loại lốp đắp); 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 8.25-16 (loại lốp đắp); 04 các đăng đã qua sử dụng; 02 bơm trợ lực nhãn hiệu REF NO Kamaz; 01 cặp nhíp dài 1,2m, mỗi nhíp được cấu tạo gồm 07 lá thép kẹp với nhau cho ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu hợp pháp. Trả lại 01 xe máy kéo nhỏ (xe càng) có đầu máy hiệu TIGER-POWER, loại S1115 Disel Engine, công suất 22HP/2200RPM, số máy 5776, màu đỏ-xám; dàn càng hiệu GUITUO CHINA màu đỏ-xám; rơ mooc có kích thước 2,5x1,6m sơn màu đen cho ông Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại hiệu Realme C1, kiểu máy RMX 1811, phiên bản V6.0, màu đen đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0347609302; 01 điện thoại hiệu Nokia, Model RM-1133, Code 059W9X1, đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0911187228; 01 điện thoại hiệu IPHONE

7 PLUS, màu đen, đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0976793635 là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 03 dàn lấy trộm được, quá trình điều tra xác định T đã làm (lắp ráp) cho khách tại tiệm cơ khí của T; 01 cặp mâm, 01 cặp nhíp và 01 cặp bầu hơi lốc kê T cũng đã bán cho khách, những khách hàng đến mua bán với T đều là khách hàng vãng lai nên T không biết được nhân thân lai lịch. Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Đắk Mil đã áp dụng các biện pháp truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3]Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]Hội đồng xét xử xét thấy: Từ đầu năm 2020 đến tháng 8/2020, tại cửa hàng nông cơ T (thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ), Hoàng Đức T và Nguyễn Văn D đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T các tài sản gồm: 07 dàn càng do Trung Quốc sản xuất năm 2020, nhãn hiệu GUITUO CHINA màu đỏ xám chưa qua sử dụng; 02 mâm bánh xe, loại mâm bánh xe ô tô đã qua sử dụng được sơn sửa lại, không còn nhìn thấy nhãn hiệu, chủng loại; 41 bót lái, bộ phận trợ lực điều hướng lái cho các loại xe có vô lăng, đã cũ, qua sử dụng; 04 nhíp, bộ phận giảm xóc cho xe, cấu tạo bằng kim loại, đã qua sử dụng được sơn sửa lại, không ghi nhãn hiệu, chủng loại, dài 1,2m, mỗi nhíp được cấu tạo gồm 07 lá thép kẹp với nhau; 03 lốp, loại lốp đắp (lốp ô tô đã qua sử dụng được đắp lại bề mặt mới, ghi nhãn là YOKOHAMA cỡ 7-50-16); 03 lốp, loại lốp đắp (lốp ô tô đã qua sử dụng được đắp lại bề mặt mới, ghi nhãn là YOKOHAMA cỡ

8.25-16); 04 các đăng, bộ phận trục kim loại truyền công suất từ hộp số đến bộ vi sai; 02 bơm trợ lực, bộ phận hỗ trợ lực cho tay lái, ghi nhãn REF NO:Kamaz; 02 bầu phanh lốc kê, đã cũ, qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản mà Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T là 167.451.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:....

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

[5]Hành vi do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Hoàng Đức T là người khởi sướng, thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn D là người giúp sức do đó cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo D. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã cùng nhau chiếm đoạt tài sản của ông T nhiều lần nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tài sản bị chiếm đoạt cũng đã được thu hồi một phần và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8]Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự.

[9]Đối với hình phạt bổ sung: Qua xác minh các bị cáo không có tài sản gì nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

[10]Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 04 dàn càng nhãn hiệu Guituo China, màu đỏ - xám; 41 cục bót lái đã qua sử dụng; 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 7-50-16 (loại lốp đắp); 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 8.25-16 (loại lốp đắp); 04 các đăng đã qua sử dụng; 02 bơm trợ lực nhãn hiệu REF NO Kamaz; 01 cặp nhíp dài 1,2m, mỗi nhíp được cấu tạo gồm 07 lá thép kẹp với nhau cho ông Nguyễn Văn T; trả lại 01 xe máy kéo nhỏ (xe càng) có đầu máy hiệu TIGER-POWER, loại S1115 Disel Engine, công suất 22HP/2200RPM, số máy 5776, màu đỏ-xám; dàn càng hiệu GUITUO CHINA màu đỏ-xám; rơ mooc có kích thước 2,5x1,6m sơn màu đen cho ông Hoàng Văn T là các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11]Đối với 01 điện thoại hiệu Realme C1, kiểu máy RMX 1811, phiên bản V6.0, màu đen đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0347609302; 01 điện thoại hiệu Nokia, Model RM-1133, Code 059W9X1, đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0911187228; 01 điện thoại hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, đã qua sử dụng có gắn thẻ sim đăng ký số 0976793635 là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 03 điện thoại và tịch thu, tiêu hủy đối với 03 thẻ sim nêu trên là phù hợp.

[12]Đối với 03 dàn lấy trộm được, quá trình điều tra xác định T đã làm (lắp ráp) cho khách tại tiệm cơ khí của T; 01 cặp mâm, 01 cặp nhíp và 01 cặp bầu hơi lốc kê T cũng đã bán cho khách, những khách hàng đến mua bán với T đều là khách hàng vãng lai nên T không biết được nhân thân lai lịch. Cơ quan CSĐT đã áp dụng các biện pháp truy tìm nhưng không thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

[13]Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Đức T và Nguyễn Văn D đã thỏa thuận và bồi thường cho bị hại đầy đủ, người bị hại không yêu cầu các bị can phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[14]Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Duy Đ) yêu cầu bị cáo Hoàng Đức T và Nguyễn Văn D phải liên đới bồi thường số tiền 29.000.000 đồng (20bot lái x 1.450.000đồng= 29.000.000 đồng), đây là số tiền mà ông Đ đã mua 20 cục bót lái do T và D chiếm đoạt của gia đình ông T và là vật chứng của vụ án nên sau khi cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil thu giữ của ông Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho ông T) nên thực tế ông Đ bị thiệt hại số tiền 29.000.000 đồng; trong vụ án này cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng vai trò và hưởng lợi khác nhau, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường 23.000.000 đồng, bị cáo D đã tự nguyện bồi thường 6.000.000 đồng và được người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Đ đồng ý nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[15]Về án phí hình sự: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Do các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Đức T phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ số tiền 23.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu 1.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ số tiền 6.000.000đồng nên bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

[16]Đối với anh Hoàng Đức M và anh Hoàng Mạnh C mỗi lần Hoàng Đức T nhờ đi chở hàng, T đều nói là hàng đã mua và khi đến chở hàng đều thấy cửa hàng mở và có Nguyễn Văn D (là cháu ruột của ông T được giao trông coi cửa hàng) ở đó chỉ hàng, phụ đưa hàng lên xe; do đó anh M và anh C không biết số hàng này là do T và D đã cấu kết chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Văn T nên không xem xét xử lý hành vi này của anh Hoàng Đức M và anh Hoàng Mạnh C.

[17]Đối với ông Hoàng Văn Trị đã chở 294 bót lái đi bán cho ông Nguyễn Duy Đ do được Hoàng Đức T nhờ và khi nhờ chở, T có nói đây là tài sản của T và của người tên Tài nên ông T không biết trong đó có tài sản đã trộm cắp của ông T nên không xử lý hành vi này của ông Hoàng Văn T.

[18]Ngoài ra, trước đó T còn bán 153 bót lái cho ông Nguyễn Duy Đ, bán 35 bót lái cho ông Nguyễn Duy H, bán 36 bót lái cho ông Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định số bót lái này đều do T thu mua từ khách đến bán tại tiệm cơ khí của T không liên quan đến tài sản trong vụ án, nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức T và bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 16/9/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 16/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) số tiền 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng, cụ thể: bị cáo Hoàng Đức T bồi thường số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

3. Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Chấp nhân Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 04 dàn càng nhãn hiệu Guituo China, màu đỏ - xám; 41 cục bót lái đã qua sử dụng; 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 7-50-16; 03 lốp ghi nhãn YOKOHAMA cỡ 8.25-16; 04 các đăng đã qua sử dụng; 02 bơm trợ lực nhãn hiệu REF NO Kamaz; 01 cặp nhíp dài 1,2m, mỗi nhíp được cấu tạo gồm 07 lá thép kẹp với nhau cho ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu hợp pháp. Trả lại 01 xe máy kéo nhỏ có đầu máy hiệu TIGER-POWER, loại S1115 Disel Engine, công suất 22HP/2200RPM, số máy 5776, màu đỏ-xám; dàn càng hiệu GUITUO CHINA màu đỏ-xám; rơ mooc có kích thước 2,5x1,6m sơn màu đen cho ông Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

3.2. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 03 điện thoại: điện thoại hiệu Realme C1, kiểu máy RMX 1811, phiên bản V6.0, màu đen; điện thoại hiệu Nokia, Model RM-1133, Code 059W9X1; điện thoại hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen.

3.3. Tịch thu, tiêu hủy 03 thẻ sim: thẻ sim đăng ký số 0347609302, thẻ sim đăng ký số 0911187228 và thẻ sim đăng ký số 0976793635

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Hoàng Đức T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đ;
-VKSND huyện Đắk Mil (02);
-Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Mil
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
-Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
-Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng